

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIẾN XƯƠNG
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 08-6-2021
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia
đình.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Tuấn Vũ; bà Đoàn Thị Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Khánh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Duy - Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 6 năm 2021 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Kiến Xương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2021/TLST-HNGĐ ngày 12/3/2021 về “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21/5/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1986

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 7B, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã A, huyện K, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1983

Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn 7B, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*) Tại đơn khởi kiện, lời khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình, thì nguyên đơn là chị Trần Thị T trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau:

Chị và anh Nguyễn Văn N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 21/9/2005 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình. Ngay sau khi kết hôn, chị đã phát hiện anh N nghiện ma túy, mải chơi, không chí thú làm ăn. Nhiều lần chị khuyên bảo anh N từ bỏ ma túy, chịu khó làm ăn để xây dựng kinh tế gia đình nhưng anh N không nghe mà ngày càng lún sâu vào nghiện ngập. Năm 2013, anh N bị Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương xử phạt 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, sau khi ra tù, anh N vẫn tiếp tục sử dụng ma túy dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung ngày càng căng thẳng, nhiều lần chị bị anh N chửi và hành hung. Đến tháng 01/2021, chị về ở cùng bà ngoại tại thôn Đ, xã A, huyện K đến nay, vợ chồng ly thân từ đó, mỗi người sống một nơi không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ, cuộc sống chung không thể tiếp tục được nữa. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

Chị và anh N có 02 con chung là Nguyễn Tùng D, sinh ngày 24/6/2008, hiện nay con đang ở cùng anh N và Nguyễn Trung H, sinh ngày 06/02/2015, hiện nay con đang ở cùng chị. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con H, anh N trực tiếp nuôi dưỡng con D, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Chị là lao động tự do, thu nhập bình quân khoảng 5.000.000đ/tháng, chị và con đang ở nhà bà ngoại, , chị có đủ điều kiện để nuôi dưỡng và chăm sóc con, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con.

Chị và anh N tự phân chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, không nợ ai tài sản gì, không có tài sản cho người khác vay.

*) Đại diện chính quyền địa phương nơi chị T và anh N cư trú cung cấp nội dung như sau:

Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện K theo quy định. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống cùng gia đình anh N tại thôn 7B, xã V, huyện K. Quá trình chung sống, chị T và anh N đã xảy ra mâu thuẫn do anh N nghiện ma túy nên vợ chồng hay cãi nhau. Địa phương đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành, anh N không thay đổi, chị T đã nhiều lần bỏ về nhà mẹ đẻ tại thôn Đ, xã A sinh sống. Anh N là đối tượng nghiện ma túy do Công an xã đang quản lý nhưng chưa bị đưa đi cai nghiện ma

túy bắt buộc. Anh N đã bị Tòa án xét xử về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, sau khi chấp hành án xong trở về địa phương nhưng vẫn còn nghiện ma túy. Việc chị T và anh N đoàn tụ là rất khó, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chị T và anh N có 02 con chung là cháu Nguyễn Tùng D, sinh ngày 24/6/2008 và cháu Nguyễn Trung H, sinh ngày 06/02/2015, cháu D đang ở cùng anh N, cháu H đang ở cùng chị T. Hiện nay anh N đang làm thợ xây, chị T làm công nhân may nên đủ điều kiện để nuôi dưỡng con. Đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật, điều kiện, hoàn cảnh của từng người và nguyện vọng của các cháu để giao con, đảm bảo quyền lợi của các cháu.

Về tài sản chung của chị T và anh N địa phương không nắm được, vợ chồng không nợ gì đối với các tổ chức, đoàn thể tại địa phương.

*) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến tại phiên tòa giải quyết vụ án dân sự:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

- Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 147, 203, 235, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

- + Về hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

- + Về nuôi con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn N trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Tùng D, sinh ngày 24/6/2008; giao cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Trung H, sinh ngày 06/02/2015. Không đặt ra giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

- + Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

- + Chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

- + Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự để trình bày lời khai, tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn là anh Nguyễn Văn N không trình bày lời khai, không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Nguyên đơn là chị Trần Thị T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, căn cứ vào điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự: Tòa án xét xử trong trường hợp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn N được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Ngay sau khi kết hôn, chị T phát hiện anh N nghiện ma túy, không tu chí làm ăn. Mặc dù chị T đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh N vẫn không từ bỏ được ma túy mà còn chửi và đánh chị làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung vợ chồng ngày càng căng thẳng, chị T và anh N đã ly thân từ tháng 01/2021 đến nay, mỗi người sống một nơi và không còn quan tâm đến nhau nữa. Anh N không trình bày lời khai, không có mặt tại phiên hòa giải thể hiện việc anh không có thiện chí để đoàn tụ với chị T. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị T và anh N là có thật và ngày càng căng thẳng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn N là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Về nuôi con chung: Chị T và anh N có 02 con chung là Nguyễn Tùng D, sinh ngày 24/6/2008, hiện con đang ở cùng anh N và Nguyễn Trung H, sinh ngày 06/02/2015, hiện con đang ở cùng chị T. Ly hôn, chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con H, anh N trực tiếp nuôi dưỡng con D, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy: Chị T và anh N đều có chỗ ở, có việc làm và thu nhập nên đều có đủ điều kiện để nuôi dưỡng và chăm sóc con. Cháu H đang ở cùng chị T, cháu D đang ở cùng anh N, các cháu đều đang học tập và có cuộc sống ổn định. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các cháu nên cần giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Trung H và giao cho anh N được trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Tùng D là phù hợp với các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, phù hợp với nguyện vọng của con. Do các bên không cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[4] Về tài sản chung: Do anh N chưa có lời khai về tài sản, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Căn cứ nhận xét trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 203, 235, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

2. Về nuôi con chung: Xử giao cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Trung H, sinh ngày 06/02/2015; giao anh Nguyễn Văn N trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Tùng D, sinh ngày 24/6/2008. Không đặt ra giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này.

Chị T và anh N có quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng cho con khi cần thiết.

3. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí: Chị Trần Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng lệ phí, án phí tại biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0001826 ngày 12/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Thái Bình thành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kiến Xương;
- Đương sự;
- UBND xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình (Nơi ĐKKH);
- Chi cục THADS huyện K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Hồng Thái